



tián cài

甜菜

noun · beet, sugar beet

Example Sentences

Tián cài kě yǐ zhì táng
甜菜可以制糖。

Beets can be used to make sugar.

Nóng mín jīn nián zhòng le hěn duō tián cài
农民今年种了很多甜菜。

The farmers planted a lot of beets this year.

Tián cài gēn fù hán wéi shēng sù hé kuàng wù zhì
甜菜根富含维生素和矿物质。

Beet roots are rich in vitamins and minerals.

Trace each character, then write the word on your own.

甜	甜	甜	甜	甜	甜	甜	甜	甜	甜	甜
甜	甜	甜								

菜	菜	菜	菜	菜	菜	菜	菜	菜	菜	菜
菜	菜	菜								